TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ KỲ ANH, TỈNH HÀ TĨNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2018/DS-ST

Ngày 02-11-2018

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KỲ ANH, TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Trung Thông.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Văn Huyên và ông Trần Đăng Thanh.

- *Thư ký phiên tòa:*Ông Nguyễn Huy Chính - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kỳ Anh.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Kỳ Anh tham gia phiên tòa*: Bà Quách Thùy Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Kỳ anh, tỉnh Hà Tĩnh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 14/TLST-DS ngày 12-12-2016 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2018/QĐST-DS ngày 09/10/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2018/QĐST-DS, ngày 23/10/2018, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:*Bà Nguyễn Thị L; sinh năm: 1940; địa chỉ: Tổ dân phố T, phường K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Phạm Chí T; sinh năm: 1957; Địa chỉ: Số X đường H, phường N, thành phố Hà Tĩnh và bà Nguyễn Thị H; sinh năm: 1974; địa chỉ: Xóm S, xã M, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh; có mặt.

2. *Bị đơn*: Bà Lê Thị T; sinh năm: 1962 và chị Trần Thị Tùng A; sinh năm: 1984; địa chỉ: Tổ dân phố T, phường K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh; có mặt.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Ông Trương Công T; sinh năm: 1941; địa chỉ: Tổ dân phố T, phường K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh; có mặt.

- Ủy ban nhân dân thị xã K: Người đại diện theo ủy quyền ông Phạm Văn H– chức vụ: Trưởng phòng Tài nguyên và môi trường; có mặt

- UBND phường K: Người đại diện theo ủy quyền Bà Nguyễn Thị Thanh H – chức vụ: Công chức địa chính; có mặt.

- Ông Trần Văn H; sinh năm: 1947; địa chỉ: Tiểu khu Z, khu phố C, phường S, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh; vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Ông Trần Văn T; sinh năm: 1952; địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh; vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Ông Trần Văn P; sinh năm: 1967; địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh; vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày: Gia đình bà L có 01 mảnh đất tại thôn T, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh (nay là phường K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh). Năm 1994 gia đình được nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (cấp lại vào năm 2004) với diện tích 1.865 m^2 trong đó có 200m^2 đất ở và 1665m^2 đất vườn. Năm 1996 gia đình có chuyển nhượng cho ông Trần O (là bố của ông Trần Văn Đ hiện nay ông Đ đã mất và người thừa kế là Bà Lê Thị T và chị Trần Thị Tùng A) một phần thửa đất có diện tích 12m x 30m = 360 m^2 đã được UBND huyện K ban hành quyết định số 157/QĐUB, ngày 18/5/1996 về cho phép chuyển nhượng. Ranh giới chuyển nhượng như sau: Phía Bắc giáp hành lang 203 Quốc lộ 1A dài 12m, phía Nam giáp đất vườn bà L dài 12m, phía Đông giáp đất chị NĐ dài 30m, phía Tây giáp đất anh N dài 30m. Tuy nhiên trong quá trình sử dụng gia đình bị đơn đã lấn chiếm 237,6 m^2 đất (chiều dài 19,8m, chiều rộng 12m) của gia đình bà. Nay gia đình bà yêu cầu phía bị đơn trả lại 237,6m^2 đất.

Bị đơn Bà Lê Thị T và chị Trần Thị Tùng A trình bày: Năm 1996 gia đình bà có mua của gia đình bà Trần Thị L hai lần cụ thể: Lần 1, ngày 18/5/1996 mua 360m^2 (12m chiều rộng và 30 m chiều dài); lần 2, vào ngày 22/7/1996 mua thêm phần đất tiếp giáp phía sau với diện tích 120m^2 (chiều rộng 12m chiều dài 10m). Tổng diện tích gia đình mua của bà L là 480m^2. Hai bên nhất trí chỉ ghi 360m^2 còn 120m^2 bà L viết tay để đỡ nộp thuế. Ngày 18/5/1996 UBND huyện Kỳ Anh đã ban hành Quyết định số 157/QĐUB, ngày 18/5/1996 về cho phép chuyển nhượng đất giữa bà L và ông Trần T, ranh giới chuyển nhượng như sau: Phía Bắc giáp hành lang 203 Quốc lộ 1A dài 12m, phía nam giáp đất vườn bà L dài 12m, phía Đông giáp đất chị NĐ dài 30m, phía Tây giáp đất anh N dài 30m. Còn phần diện tích dài 10m, rộng 12m được bà L viết vào trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 08/5/QSDĐ ngày 06/12/1994 nhưng không làm các thủ tục hồ sơ về chuyển nhượng. Nay gia đình bà L khởi kiện đòi gia đình trả lại 237,6m^2 chúng tôi không đồng ý gia đình chỉ lấy đúng phần diện tích đất mà gia đình bà L đã bán vào năm 1996 theo Quyết định số 157/QĐUB, ngày 18/5/1996 của UBND huyện Kỳ Anh đối với diện tích 360m^2 có ranh giới như sau: Phía Bắc giáp hành lang 203 Quốc lộ 1A tính từ tim đường quốc lộ 1A vào 27m dài 12m, phía nam giáp đất vườn bà L dài 12m, phía Đông giáp đất của gia đình tôi đã mua của chị NĐ dài 30m, phía Tây giáp đất ông N dài 30m. Phần diện tích còn lại gia đình sẽ dời dọn tài sản trên đất (Cây cối và hàng rào tạm) trả lại đất cho bà L.

Kết quả xem xét thẩm định tại chố của Tòa án thể hiện: Phần diện tích đất tranh chấp là 240m^2. Về tài sản trên đất: Hệ thống công trình phụ và hàng rào được được xếp bằng gạch Táp lô (Không xây áo mà chỉ là hàng gạch được xếp chồng lên nhau) do Bà Lê Thị T xây dựng.

Tại biên bản hòa giải ngày 02/10/2018 và tại phiên tòa hôm nay các bên đương sự thống nhất: Năm 1996 khi bán đất phía Bắc giáp hành lang 203 Quốc lộ 1A, tuy nhiên nguyên đơn cho rằng vào năm 1996 khi bán đất cho bị đơn phía Bắc giáp Quốc lộ 1A tính từ tim đường quốc lộ 1A vào 17,5m, còn bị đơn cho rằng tại thời điểm bán là tính từ tim đường Quốc lộ 1A vào 27m. Như vậy phần diện tích đất tranh chấp là phần phía sau của thửa đất12m x 9,5m = 114m^2 (Diện tích tính từ tim đường đường quốc lộ 1A vào 27m theo trình bày của bị đơn trừ đi diện tích đất tính từ tim đường quốc lộ 1A vào 17,5m theo trình bày của nguyên đơn). Còn phần diện tích đất 126m^2 bà T, chị A sẽ dời dọn tài sản trả lại đất cho bà L.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cho rằng:Nguồn gốc đất của bà L là có từ trước năm 1980 do bố mẹ bà L để lại, năm 1987 tại Đơn xin chứng nhận cấp nhà ở đã được Chủ nhiệm hợp tác xã I xác nhận và cán bộ quy hoạch ruộng đất của hợp tác xã là ông Nguyễn Ngọc F tiến hành giao đất là từ tim đường quốc lộ 1A đo vào là 17,5m. Ngoài ra trên thửa đất của bà L còn có mốc lộ giới và cũng được cắm cách tim đường 17,5m. Như vậy có đủ căn cứ để khẳng định năm 1996 nguyên đơn bán đất cho bị đơn phía Bắc giáp hành lang quốc lộ 1A tính từ tim đường vào 17,5m.Vì vậy yêu cầu Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả lại 114m^2 đất đã lấn chiếm.

Người đại diện theo ủy quyền của UBND thị xã K và UBND phường K thị xã K đều khẳng định: Nguồn gốc đất của bà L là có từ trước năm 1993 còn việc đất của bà L có trước năm 1980 hay không thì không có căn cứ để khẳng định. Việc năm 1987 bà được cán bộ quy hoạch ruộng đất của hợp tác xã là ông Nguyễn Ngọc Đ tiến hành giao đất là từ tim đường vào quốc lộ 1A vào là 17,5m là không đúng quy định của Nghị định 203-HĐBT, ngày 21/12/1982 của Hội đồng bộ trưởng về việc ban hành điều lệ bảo vệ đường bộ là từ mép đường ra 20m. Từ năm 1982 đến nay nhà nước không có văn bản nào khẳng định tại vị trí đất tranh chấp tính từ tim đường vào 17,5m.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kỳ Anh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71, 72, 73 và Điều 234 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Về nội dung vụ án: Đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn trả lại phần diện tích đất đã lấn chiếm là 114m^2.Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự,bị đơn Bà Lê Thị T dời dọn tài sản và trả lại 126m^2 đất cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nội dung vụ án, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là " Tranh chấp đất đai" theo quy định tại Khoản 9 Điều 26 Bộ luật tố tụng Dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Kỳ Anh theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án và tại Quyết định đưa vụ án ra xét xử có sự tham gia của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Lê H và ông Nguyễn Đình G - luật sư của Văn phòng luật sư L thuộc Đoàn luật sư tỉnh Hà Tĩnh. Tuy nhiên ngày 29/10/2018 Nguyên đơn đã nộp đơn yêu cầu chấm dứt việc tham gia của người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp. Xét thấy đây là quyền định đoạt của đương sự vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận và không đưa những người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp nêu trên vào tham gia phiên tòa.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn yêu cầu Tòa án thu thập chứng cứ và yêu cầu Tòa án hoãn phiên tòa để thu thập chứng cứ. Căn cứ vào khoản 4 Điều 96 Bộ luật tố tụng dân sự tại phiên tòa đương sự không có quyền yêu cầu Tòa án thu thập chứng cứ mà chỉ có quyền giao nộp các tài liệu chứng cứ trong một số trường hợp nhất định. Vì vậy Hội đồng xét xử không hoãn phiên tòa theo yêu cầu của đương sự mà vẫn tiếp tục xét xử vụ án.

Về vấn đề xem xét thẩm định tại chỗ: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các bên đương sự đều yêu cầu chỉ xem xét thẩm định đối với phần diện tích tranh chấp là thửa đất bị đơn đang sử dụng chứ không tiến hành đo đạc với toàn bộ diện tích đất bà L được cấp năm 1994. Xét thấy yêu cầu của các bên đương sự là tranh chấp phần diện tích 114m^2 phía sau (Diện tích tính từ tim đường đường quốc lộ 1A vào 27m theo trình bày của bị đơn trừ đi diện tích đất tính từ tim đường quốc lộ 1A vào 17,5m theo trình bày của nguyên đơn) nên việc đo tổng thể diện tích đất của bà L được cấp năm 1994 là không cần thiết. Vì vậy Hội đồng xét xử không tạm ngưng phiên tòa để đo đạc lại như yêu cầu của đương sự là phù hợp.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn về buộc bị đơn trả lại diện tích đất đã lấn chiếm 114m^2 là phần phía sau của thửa đất(Diện tích tính từ tim đường đường quốc lộ 1A vào 27m trừ đi diện tích đất tính từ tim đường quốc lộ 1A vào 17,5m), thấy rằng: Các bên đương sự đều thống nhất năm 1996 khi bán đất là phía Bắc giáp hành lang 203 Quốc lộ 1A, Như vậy cần phải khẳng định vào năm 1996 có việc bán đất giữa bà L và ông Trần T và phía Bắc giáp hành lang 203 Quốc lộ 1A.Tuy nhiên nguyên đơn cho rằng vào năm 1996 khi bán đất cho bị đơn phía Bắc giáp Quốc lộ 1A tính từ tim đường quốc lộ 1A vào 17,5m, còn bị đơn cho rằng tại thời điểm bán là tính từ tim đường Quốc lộ 1A vào 27m. Vấn đề này Hội đồng xét xử thấy rằng:

Về căn cứ pháp lý: Căn cứ vào khoản 1 Điều 7 Nghị định 203-HĐBT, ngày 21/12/1982 của Hội đồng bộ trưởng về việc ban hành điều lệ bảo vệ đường bộ quy định như sau:

1. Đối với đường tỉnh từ mép chân mái đường đắp và từ mép đỉnh mái đường đào hoặc từ mép ngoài rãnh dọc hay rãnh đỉnh của đường trở ra hai bên, cụ thể:

- Hệ thống đường quốc lộ là 20m."

Tại mục 2 phần I Quyết định số 06-CT, ngày 03/01/1990 của Chủ tịch hội đồng bộ trưởng về việc thực hiện Nghị định 203-HĐBT, ngày 21/12/1982 về điều lệ bảo vệ đường bộ đối với các quốc lộ quy định "Trên các quốc lộ, đặc biệt đối với quốc lộ I, kể từ ngày ban hành Điều lệ bảo vệ đường bộ, tất cả các công trình như đường điện, đường bưu điện, mương máng thuỷ lợi, các công sở, các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, nhà ở, lều quán của tư nhân, v.v... đã làm trong lưu thông do các cấp chính quyền, phường, xã, quận, huyện hoặc tỉnh, thành phố cấp đất hoặc tự ý xây dựng là vi phạm luật lệ. Trong thời hạn 6 tháng, kể từ ngày ký Quyết định này, các cơ quan và tư nhân vi phạm phải di chuyển các công trình nói trên ra khỏi hành lang của lưu không (từ chân mái đường đắp hoặc đỉnh mái đường đào ra mỗi bên 20 mét). Nhà nước miễn phạt và không đền bù. Những đoạn quốc lộ đi trùng với đường đô thị sau khi đã được nâng cấp đúng với quy hoạch được duyệt, thì hành lang bảo vệ đường là bề rộng của vỉa hè.".

Như vậy đối với diện tích đất ở vị trí có tranh chấp theo quy định tính từ mép đường ra là 20m.

Do đường quốc lộ 1A từ năm 1996 đến nay đã được nâng cấp sửa chữa nhiều lần nên việc xác định mép ngoài của đường là không thể thực hiện được. Vì vậy Tòa án nhân dân thị xã K đã có yêu cầu và được Cục quản lý đường bộ II thuộc tổng cục đường bộ Việt Nam trả lời: Theo bản vẽ hoàn công thì tim đường trước và sau khi nâng cấp, mở rộng tại vị trí tranh chấp là không thay đổi (không nắn tuyến). Vì vậy, để xác định hành lang an toàn đường bộ (hành lang bảo vệ đường bộ) tại vị trí tranh chấp trước khi được nâng cấp mở rộng tính từ tim đường là:Tại lý trình Km $568^{+706,94}$(vị trí tranh chấp) phía phải tuyến (vị trí tranh chấp): 3,6m (mặt đường) + 0,4m (lề đường) + 3,0m (rãnh) + 20m (hành lang) = 27m.

Như vậy về căn cứ pháp lý tại vị trí đất tranh chấp tính từ tim đường ra 27m là hành lang bảo vệ đường bộ.

Về căn cứ thực tế: Quá trình xem xét thẩm định tại chỗ thấy rằng gia đình bị đơn đã xây nhà kiên cố (Theo trình bày của bị đơn và nguyên đơn nhà được bỏ móng vào năm 1996 và xây dựng vào năm 1997) và tại vị trí xây dựng cách tim đường 29,3m. Như vậy tại thời điểm xây dựng nhà gia đình bị đơn đã xây sau mốc hành lang bảo vệ đường bộ 27m.

Từ những căn cứ pháp lý và thực tế như nhận định trên cần khẳng định việc nguyên đơn cho rằng năm 1996 bán cho bị đơn phía đông giáp Quốc lộ 1A

tính từ tim đường vào 17,5m là không có cơ sở. Vì vậy yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả lại diện tích đất đã lấn chiếm 114m^2 là phần phía sau của thửa đất (Diện tích tính từ tim đường đường quốc lộ 1A vào 27m trừ đi diện tích đất tính từ tim đường quốc lộ 1A vào 17,5m) không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[2.1] Về diện tích đất 126m^2 mà gia đình bị đơn đã xây dựng hàng rào (hàng rào được được xếp bằng gạch Táp lô) và trồng cây: Tại buổi hòa giải ngày 02/10/2018 và tại phiên tòa hôm nay các bên đều thống nhất gia đình bà T tự dời dọn tài sản và trả lại đất cho nguyên đơn. Xét thấy, việc sự thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về lệ phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chổ:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L đã nộp đủ sáu triệu đồng tiền xem xét thẩm định tại chỗ (03 triệu đồng tiền xem xét thẩm định tại chỗ do Tòa án tiến hành bằng phương pháp thủ công, sau đó do không đồng ý với kết quả thẩm định nguyên đơn tiếp tục nộp 03 triệu đồng để thuê máy Toàn đạc điện tử để đo vẽ). Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được Tòa án chấp nhận, nên nguyên đơn bà Nguyễn Thị L phải chịu toàn bộ số tiền lệ phí xem xét thẩm định tại chỗ.

[4] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được Tòa án chấp nhận nên nguyên đơn bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào Khoản 9 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a, c Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 155, Khoản 1 Điều 157, Điều 158 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 12, Điều 100, Khoản 5, 7 Điều 166, Điều 170, Điều 203 Luật đất đai 2013; Điều 163, 164, 166 Bộ luật Dân sự 2015; khoản 1 Điều 7 Nghị định 203-HĐBT, ngày 21/12/1982 của Hội đồng bộ trưởng; Điểm a Khoản 1 Điều 24, Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn trả lại diện tích đất đã lấn chiếm 114m^2 là phần phía sau của thửa đất(Diện tích tính từ tim đường đường quốc lộ 1A vào 27m trừ đi diện tích đất tính từ tim đường quốc lộ 1A vào 17,5m).Có sơ đồ kèm theo.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự bị đơn Bà Lê Thị T và chị Trần Thị Tùng A dời dọn tài sản và trả lại 126m^2 đất cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị L (Có sơ đồ kèm theo).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng). Nhưng được khấu trừ số tiền 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền số 0006863. Bà Nguyễn Thị L phải nộp tiếp 100.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo phần liên quan đến quyền lợi của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo phần liên quan đến quyền lợi của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND thị xã Kỳ Anh;
- Chi cục THADS thị xã Kỳ Anh;
- Các đương sự;
- UBND phường Kỳ Trinh;
- Lưu Hồ sơ; VP-TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Hoàng Trung Thông